

VÙNG VĂN HÓA TÂY BẮC



Hồ Núi Cốc - Thái Nguyên

I - Đặc điểm tự nhiên và xã hội :

Tây Bắc, một vùng văn hoá, xứ sở hoa ban, quê hương xoè hoa, miền đất dịu ngọt của những thiên tình sử *Tiền dân người yêu* nhưng cũng đầy tiếng than thở của những thân phận người *Tiếng hát làm đau*.

Tây Bắc là một miền núi cao hiểm trở. Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam, trong đó có dãy Hoàng Liên Sơn dài đến 180 km, rộng 30 km, cao từ 1500m trở lên, các đỉnh cao nhất như Phanxipăng 3.142m, Yám Phình 3096m, Pù Luông 2.983m. Dãy Hoàng Liên Sơn, được người Thái gọi là "sừng trời" (Khau phạ), chính là bức tường thành phía đông và vùng Tây Bắc. Nó nằm bên bờ phải sông Hồng, con sông mà tổ tiên người Thái gọi là Nậm Tao, nên ngày nay đoạn sông này còn có tên tiếng Kinh là sông Thao. Dòng Nậm Tao chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử thiên di của người Thái đến vào Tây Bắc. Theo sử huyền thoại Thái thì tổ tiên họ là Tào Xuông – Tào Ngần bay từ trên trời xuống và phải vượt qua con sông rộng, lắm sóng dữ, ghềnh thác. Qua con sông là đến địa phận của trần gian. Khó khăn là thế nên tên thần thoại của dòng Nậm Tao là dòng "Sông Đẳng – sông Xối" (Nậm ta Khôm - Nậm Ta Khái). Còn theo các nhà dân tộc học thì dòng sông là con đường mà theo đó tổ tiên người Thái thiên di vào Việt Nam từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV.

Từ dòng Nậm Tao, người Thái tạt vào bên phải, chiếm lấy đất Nghĩa Lộ làm bàn đạp để rồi tiến mãi đến tận Điện Biên Phủ, giáp Lào. Đất ấy, tên Thái là Mường Theng tức Mường Trời và trở thành "cổ đô" của nhiều đời tù trưởng. Vậy nên, dòng Nậm Tao hiển nhiên là địa đầu phía Đông và biên giới Lào là địa đầu phía Tây của vùng văn hóa Tây Bắc. Giữa hai điểm đó con sông Đà phát nguyên từ phía Bắc kẻ một đường chéo Tây Bắc - Đông Nam, đi qua đất Hòa Bình rồi hợp lưu với dòng Nậm Tao ở ngã ba Việt Trì để làm nên sông Cái - sông Hồng của châu thổ phì nhiêu. Trên đường đi, sông Đà - tên Thái là Nậm Tê - tiếp nhận lượng nước của biết bao suối nhỏ và cả một dòng sông Nậm Na hợp lưu với nó ở ngay tỉnh lỵ Lai Châu. Sát với biên giới Lào là dòng sông Mã chảy từ Điện Biên xuống đến phía Tây tỉnh Sơn La thì quặt sang đất Lào và trở về miền Tây Thanh Hóa để xuôi về biển. Vậy nên, đất Tây Bắc còn được đồng bào gọi là đất "ba con sông", tạo nên ba dải "nước màu : trắng, xanh, đỏ". Bởi vì sông Mã lắm thác ghềnh nên nhiều sóng bạc đầu. Lại còn có truyền thuyết dòng sông là nữ thần canh giữ mỏ bạc mà xưa kia người Thái - La Ha thường khai thác. Dòng Nậm Tê (sông Đà) chảy giữa các triền núi đá grannít, sẫm thẫm xanh đen một màu. Còn dòng Nậm Tao mang nặng phù sa thì chính người Kinh cũng gọi là sông Hồng. Ba con sông tự nhiên nhưng trở thành biểu tượng riêng của vùng đất. Chúng lại có ba màu của nắng, của cây và của đất. Chúng biến thành những tín hiệu văn hóa vùng mà người dân bản địa lấy đó làm tự hào, để phân biệt với người vùng muối (Kinh), người vùng sông Lô, sông Chảy (Tày, Nùng) v.v...

Từ dưới xuôi đi lên phải qua đất tỉnh Hòa Bình, xưa kia phải vượt sông Đà ở bến chợ Bờ và Suối Rút, rồi phải leo gần 100km đèo mới đến được cao nguyên Mộc Châu, cao 800-1000m. Phải lên đến đây mới bước chân vào vùng Tây Bắc, nơi mà hoa ban nở trắng rừng, xen lẫn với thông reo vi vút và những rừng tre vầu ống lớn, cây cao Chẳm thể mà Mộc Châu có tên Thái là Trảng Tre – Trảng Ban (Phiêng Xang - Phiêng Ban). Từ cao nguyên "Tre Ban" đổ xuống thung lũng hẹp Yên Châu để rồi leo qua dãy Chiềng Đông lại đổ xuống Nà Sản mà về Sơn La. Từ Sơn La phải vượt dãy Pha đến (nơi ngăn cách Trời - Đất) đến ngã ba Tuần Giáo, rẽ trái vào Điện Biên, đi thẳng thì lên Lai Châu. Từ đây ngược nữa lên phía phải để đến đất Sìn Hồ của dãy Hoàng Liên Sơn, hãy men theo chân nó đi lên biên giới phía Bắc. Nếu ngược nữa lên phía trái là đến Mường Tè có bản Mường Nhé, nơi con gà gáy ba nước Việt - Lào - Trung đều nghe. Hành trình vừa kể trên chính là trục dọc của vùng văn hoá Tây Bắc.

Dẫu rằng cũng nằm trong vòng đai nhiệt đới gió mùa, nhưng do ở một độ cao từ 800-3000m nên khí hậu ngả sang á nhiệt đới và nhiều nơi cao như Sìn Hồ có cả khí hậu ôn đới. Đã thế, địa hình lại chia cắt bởi các dãy núi, các dòng sông, khe suối, tạo nên những thung lũng, có nơi lớn thành lòng chảo như vùng Nghĩa Lộ, Điện Biên. Do vậy, Tây Bắc còn là nơi có nhiều tiểu vùng khí hậu. Trong lúc đó ở thung lũng Mường La, người ta mặc áo ngắn tay giữa mùa đông thì ở Mộc Châu phải mặc áo bông dày mà không khỏi rét. Nhưng chính vì vậy mà thiên nhiên Tây Bắc rất đa dạng, thổ nhưỡng nhiều loại hình. Dân số thấp, năm 1978 mới có 59ng/km². Với tỉ lệ tăng 3,5%/năm cộng với việc di dân, đến năm 1990 cũng chỉ có 120 người/km². Cư dân cổ truyền, những chủ nhân từ xa xưa của Tây Bắc, đều làm công nghiệp với hai loại hình : ruộng nước ở thung lũng, và nương rẫy ở sườn núi. Câu ngạn ngữ Thái đã nói : *Xá ản theo lửa, Thái ản theo nước, H'mông ản theo sương mù*. Người Thái, tộc người đa số trong vùng, làm ruộng nước trong các thung lũng, các vùng lòng chảo. Người Mường và một bộ phận người Dao cũng thế. Nhưng ngay những tộc người này cũng

phải làm thêm nương rẫy thì mới đủ sống. Người Xá, theo tên gọi miệt thị xưa, bao gồm nhiều tộc khác nhau như Khơmú, Laha, Kháng, Mảng, Xinhmun... Họ làm nương theo phương pháp thô sơ : phát rừng, đốt lấy tro, chọc lỗ tra hạt. Còn người H'mông thường ở núi cao, cũng phát rừng, nhưng lại biết dọn gốc, cày xới làm nương thâm canh. Ruộng và nương chỉ giải quyết được lương thực và một phần rau xanh. Thịt, cá, rau và cả lương thực khi mất mùa, đều còn phải trông vào hải lượng, săn bắt. Chẳng thế mà đồng bào có câu: cơm, nước ở mặt đất; thức ăn ở trong rừng

Tây Bắc thực ra là tên gọi theo phương vị, lấy Thủ đô Hà Nội làm điểm chuẩn, hiện tại là địa bàn gồm bốn tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Yên Bái. Khi nói đến vùng văn hóa Tây Bắc thì phải kể một phần tỉnh Hoà Bình nữa. Năm 1955 đổi thành khu tự trị Tây Bắc, vì tên cũ Khu Tự trị Thái Mèo không phản ánh hết tên của gần hai chục dân tộc sinh sống ở đây. Chỉ kể những dân tộc tương đối đông dân ta đã có Thái (với các ngành Đen, Trắng, Đỏ). H'mông với các ngành Trắng, Xanh, Đen, Hoa, Dao (với các ngành Quắn chẹt, Nga Hoàng, Dao đỏ), Mường, Khơmú, Laha, Xinhmun, Tày... Ngoài ra, còn có một bộ phận người Kinh vốn là con cháu nghĩa binh Hoàng Công Chất đã sống lâu đời ở đây, và một bộ phận người Hoa, vốn là dòng dõi quân Lưu Vĩnh Phúc. Mỗi dân tộc đều có văn hóa mang bản sắc riêng. Quả là khó khi muốn nói về văn hoá cả vùng với một quần thể cư dân đa dạng như thế. Nhưng dấu sao tính chất vùng của văn hóa Tây Bắc vẫn được hiện ra lồ lộ không thể phủ định được. Cần phải ngược dòng lịch sử, nhưng không thể quá xa vì chẳng lấy đâu ra chứng cứ. Vả chăng, chỉ cần phạm đến đầu công nguyên là đã bắt gặp các văn hóa cơ tầng của miền đất này rồi.



Cây đa Tân Trào - Tuyên Quang

Thuở ấy cư dân Tây Bắc vẫn là một bộ phận của nền văn minh đồng thau Đông Sơn với trống đồng và công cụ bằng đồng, những thứ mà ngày nay đã trở thành vật thiêng, chỉ dùng trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên. Trong số cư dân ấy, người Kháng có tục uống nước bằng mũi (Ta mũi). Nước măng chua, hòa tỏi, rau thơm, gạn lấy nước, đổ vào vỏ quả bầu mận, cho chảy vào mũi, trong lúc ấy miệng thì nhai cá hay thịt. Cách uống này vẫn còn thấy ở người Kháng sống ở ven sông Đà, phía bên Tả Xại, Sơn La. Đặc biệt người Kháng rất giỏi làm thuyền độc mộc. Người Thái phải công nhận *"Thuyền tốt không gì bằng thuyền Kháng"*.

Còn người Laha thì mãi đến ngày nay vẫn được người Thái tôn sùng vì được coi là chủ nhân trống đồng. Bởi vì cả người Laha lẫn người Thái đều có trống đồng làm vật thiêng, có thần trú ngụ trong đó. Người Laha cũng nổi tiếng về hội lễ "Mừng mùa măng mọc" với điệu múa thực khí sinh động, rộn ràng trong tiếng đệm của một đàn ống tre rỗng, gõ trên tấm ván với những cô gái nhún nhảy múa.

Đến những năm 60 của thế kỉ này người Mảng vẫn còn bảo lưu xăm những chấm, những vòng tròn có chấm ở giữa, quanh miệng và cằm. Vì thế người Thái gọi họ là *"Xá cầm hoa"* (Xá công Lái), tức người Xá cầm xăm hoa.

Tất cả những nét đặc trưng như trống đồng, thuyền độc mộc, nhạc cụ tre nứa, tục xăm mình, đều như phảng phất những gì đã từng được sách chữ Hán cũng như các truyền thuyết nói về xứ sở của các vua Hùng.

"Vào khoảng thế kỉ XI-XII, một bộ phận tổ tiên ngành Thái đen... do Tào Ngàn thiên di xuống chiếm miền Mường Lò mà Người Kinh cũng vậy, họ gọi là Đông cổ thần cánh đồng Nghĩa Lộ là trung tâm". Cháu Tào Ngàn là Lạng Chượng cầm binh đánh thắng dần các bộ tộc Nam Á từ Nghĩa Lộ qua Sơn La và tới Điện Biên..., cuộc hành trình của Lạng Chượng mở đầu "giai đoạn bọn thống trị Thái làm chủ miền Tây Bắc"

Theo sách dã sử và truyền thuyết của chính người Thái, Lạng Chượng phải chặt vật lắm mới thắng nổi quân Nam Á. Truyền thuyết Thái kể rằng : *"Quân Xá" (tức Nam Á) có tên làm bằng đồng sắc nhọn, quân Thái chỉ có tên tre. Lạng Chượng mới lập mưu thách nhau bắn xem tên ai cắm vào đá là thắng Quân Xá bắn tên đồng vào đá thì bật ra. Quân Thái nấp cụm sấp ong vào đầu tên tre nên bắn vào đá thì dính. Quân Xá" chịu thua, phải để quân Thái chiếm đất, còn quân Xá phải chạy vào rừng sâu mà ở."*

Truyền thuyết cũng kể rằng quân Xá thua, chẳng những mất đất mà còn phải dâng trống đồng cho quân Thái. Từ đấy các dân tộc Nam Á suy thoái dần, nền văn hóa huy hoàng thuở ấy bị mai một rất nhiều. Ngày nay, trong văn hóa của họ đã có nhiều yếu tố Thái. Chẳng hạn, họ đã hoàn toàn quên mất nền âm nhạc của mình mà chỉ còn biết sử dụng các làn điệu lí Thái để hát. Ngược lại, người Thái lại học được rất nhiều từ văn hóa của những người bản địa chiến bại, khiến cho văn hoá Thái (đặc biệt là Thái Đen), Tây Bắc loại biệt hẳn với văn hoá những người anh em chung cội nguồn của họ như người Tày phía Đông và người Lào phía Tây. Chính quá trình hỗn dung và tiếp biến văn hóa đó đã tạo nên sắc thái vùng văn hóa Tây Bắc, thông qua văn hóa Thái là chủ thể.

II. Đặc điểm vùng văn hóa Tây Bắc :

Từ mười thế kỉ trở lại đây, với vai trò chủ thể trong lịch sử phát triển của vùng, văn hóa Thái (với những yếu tố điển hình từ văn hóa Đông Nam Á nổi lên như một sắc thái đại diện cho văn hóa Tây Bắc).

Trước hết xin bắt đầu từ văn hóa "đời thường". Từ cao nguyên Mộc Châu xuôi xuống thung lũng Yên Châu ở phía Bắc là đã bắt gặp những ngôi nhà sàn ẩn hiện những dãy cây xoài, rừng chuối. Nhà sàn Thái có cái mái đầu hồi khum khum hình mai rùa, trên đỉnh đầu hồi ấy có hai vật trang trí, người Thái gọi là "Sừng cuộn" (Khau cút) vì đầu phía trên của nó thường được thao tác thành một vòng tròn xoay tròn ốc, giống như ngọn rau đốn (Phắc cút), một thứ rau rừng rất được đồng bào ưa chuộng. Bản Thái thường nằm ở ven đồi, chân núi, nhìn ra cánh đồng. Ở đây thể nào cũng có ít nhất một dòng suối to nhỏ tùy nơi. Bản nào ở chân núi đá thì hay dùng mạch nước ngầm làm nước ăn, gọi là "Mỏ nước" (Bó nặm). Văn hóa nông nghiệp thung lũng Thái nổi tiếng vì hệ thống tưới tiêu, được gói gọn dốc của dòng chảy, người ta lấy đá ngăn suối làm nước dâng cao, đó là cái "phai". Phía trên "phai" xẻ một đường chảy lên dẫn vào cánh đồng, đó là "mương". Từ "mương" xẻ những rãnh chảy vào ruộng, đó là "lái". Còn "lịn" là cách lấy nước từ nguồn trên núi cao, dẫn về ruộng, về nhà, bằng các cây tre đục rừng đục mấu, nối tiếp nhau, có khi dài hàng cây số. Người Kinh vùng núi Phú Thọ (cũ) học theo cách làm này và gọi chệch đi là "lần nước". Do chủ động tưới tiêu nên người Thái nuôi cá ngay trong mực nước của ruộng lúa. Gặt lúa xong là tháo nước bắt cá. Cá nuôi trong ruộng vừa ăn sâu bọ cỏ dại, vừa sục bùn cho tốt lúa. Cho nên, món dâng cúng trong lễ cơm mới bao giờ cũng có xôi và cá nướng. Và món cá là biểu hiện lòng hiếu khách :

*Đi ăn cá, về nhà uống rượu
Ở thì ngủ đệm, đắp chăn ấm*

Những dòng suối còn đóng vai trò quan trọng trong tâm linh con người. Suối được coi là vật nữ tính : "con suối" (Me nặm). Suối lại là nơi trú ngụ của thần nước, thường ở những đoạn nước cuốn thành vực (Văng năm). Hàng năm, khi làm lễ cúng bản (Xên bản) vào mùa xuân, người ta tổ chức ngay trên bờ vực nước đó. Có một tâm thức tín ngưỡng với nước là đặc điểm chung của các tộc người làm nông nghiệp. Ở người Thái, tâm thức đó được thể chế hóa bằng hình tượng thần nước dưới dạng thường luồng và bằng các lễ cụ thể. Con suối và cánh đồng, những sản phẩm sáng tạo và chiếm lĩnh của con người cũng đã đi vào thơ ca, âm nhạc như những hình tượng đẹp của cảm xúc thẩm mĩ như lời bài dân ca sau :

*Đêm trăng sáng
Tâm hồn em như muốn phiêu diêu
Chơi tha thẩn bên bờ cát trắng
Bờ cát trắng lấp lánh ánh trăng
Chờ tiếng sáo anh
Luồn qua sương, luồn qua chân núi
Đến với em trong ánh trăng ngời ngái.*

Nương rẫy là một bộ phận bổ sung không thể thiếu với nương, đồng bào có lúa, rau quả như bầu bí, rau cải, đậu, đu đủ, vừng, kê, ớt...v.v... Bông và chàm cũng trồng trên nương. Và rừng, rừng bạt ngàn là nơi con người hái rau rừng, lấy thuốc chữa bệnh, thuốc nhuộm, săn bắt thú rừng và khi thất bát mùa màng thì chính rừng, với củ mài, bột báng đã cứu họ khỏi chết đói. Bản làng có một thái độ rất kính trọng với rừng. Chẳng phải vì rừng có ma thiêng, mà vì rừng là nơi con người nương tựa để tồn tại. Luật Thái có hàng chục điều quy định về việc khai thác rừng, săn bắn thú, đặc biệt là những quyết định về bảo vệ rừng đầu nguồn.

Người Thái bảo vệ rừng ban không chỉ vì nó là biểu tượng văn hóa của quê hương họ, mà còn vì chỉ có ban mới mọc được. Ở nơi đất cần nhờ có ban giữ lại mùn tự trên cao chảy xuống, mà đất cần tái sinh, mà mùn rác không lấp ruộng, nghẽn suối, mà nước mưa ngấm vào lòng đất ngăn những cơn lũ ống. Chỉ riêng cách ứng xử với cây ban cũng đủ thấy đặc trưng văn hóa Thái nói riêng, Tây Bắc nói chung có một trình độ khoa học thế nào, có tính nhân văn ra sao trong cái nhìn sinh thái học. Chẳng riêng gì người Thái, con người H'mông trên núi cao, người Khơmú, người Dao, người Kháng, Laha...v.v..., trong rừng sâu đều tự nguyện tuân theo luật Thái. Điều đó không đơn thuần vì giai cấp thống trị Tây Bắc trước kia là thuộc tộc Thái, mà điều quan trọng là ở chỗ, đây cũng là quyền lợi lâu dài của tất cả các dân tộc trong vùng.

Cũng như hầu hết các dân tộc trong vùng, người Thái sống chân thật, giản dị và rất hòa thuận. Trong gia đình, trong bản không bao giờ thấy người ta to tiếng với nhau. Đặc biệt không bao giờ trẻ con bị mắng mỏ nặng lời, chứ không nói đến việc bị đánh đòn. Trẻ con hiểu nhiệm vụ của chúng và rất tự giác thực hiện. Chúng có sai sót gì, người lớn chỉ

nhắc nhẹ. Trẻ em rất ngoan, chúng chơi đùa với nhau rất thân ái. Gặp lúc khó khăn, đói kém người ta đến họ hàng xin lương thực. Người được hỏi xin sẵn sàng chia sẻ số lương thực còn lại, dù biết rằng sau đó chính họ cũng sẽ lâm vào cảnh thiếu đói và cũng phải lên rừng đào củ mài, củ bói thay cơm. Ngay bây giờ, khi nền kinh tế thị trường đã có tác động vào đời sống cư dân Tây Bắc, thì phong tục này vẫn được thực hiện với tấm lòng vị tha và tình nghĩa sâu đậm.

Nhân đây cần nói ngay rằng nếp sống hòa thuận, tôn trọng người già, thương yêu con trẻ và giúp đỡ nhau vô tư là đặc điểm chung của các dân tộc trong vùng Những kì thị dân tộc không phải không có, nhưng rất hiếm và phần nhiều là cách đánh giá của giới quý tộc Thái, còn giữa những người lao động thì hầu như không có. Cho nên, khi đói kém, anh em H'mông ở núi cao xuống, bà con Khomú, Mảng trong rừng sâu ra, bản Thái sẵn sàng chia sẻ. Ngược lại, cũng có năm, bản Thái lượt kéo nhau lên núi cao để khi về kịt những tặng phẩm của bà con người H'mông. Vào những năm tháng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đồng bào Thái lại được anh em các dân tộc Nam á giúp đỡ tận tình ở nơi sơ tán. Nhìn nhận hiện tượng này, các nhà kinh tế học cho rằng đó là hệ quả của một xã hội chưa biết đến thương nghiệp với vật ngang giá là đồng tiền. Cũng có thể là như vậy. Nhưng nếu tiếp cận từ góc nhìn văn hóa thì cũng phải công nhận đây là một thuần phong mĩ tục trong quan hệ giữa người các dân tộc với nhau. Nếu không thế thì không thể giải thích được, vì sao ngày nay trong cơ chế kinh tế thị trường, phong tục truyền thống vẫn được giữ vững và sẽ không hiểu thế nào được sự tồn tại suốt mấy chục năm của các "quán tự giác" trên khắp nẻo đường Tây Bắc. Đồng bào treo chuỗi, mía, trứng, để giá tiền vào từng loại, khách qua đường tự lấy ăn rồi bỏ tiền vào cái túi vải treo cạnh đó. Khách có tiền lớn thì có thể đổ tiền trong túi ra, tự lấy tiền thừa rồi bỏ tiền của mình và số tiền sẵn có của quán hàng trở lại vào túi. Chủ quán không có mặt, nhưng chẳng ai dám cả gan ăn cắp - kể cả những lái xe người Kinh thích đùa đi qua đường.

Các dân tộc trong vùng đều có tín ngưỡng "mọi vật có linh hồn" (animisme), một loại tín ngưỡng mà mọi dân tộc trên hành tinh đều trải qua. Có đủ loại "hồn" và các loại thần sông núi, suối khe, đá, cây, súc vật, các lực lượng thiên nhiên như sấm, chớp, mưa, gió. Các bộ phận trên thân thể con người cũng có hồn. Người Kinh cho rằng có ba hồn bảy vía (nam) và ba hồn chín vía (nữ). Người Thái có đến 80 hồn (Xam xếp khoản mang nả. Hà xếp khoản mang lăng), như hồn tóc, hồn lông mày, lông mi, tai, mũi, trán v.v... Người chết không biến mất mà trở về sống ở bản của tổ tiên. Do chỗ mọi vật đều có hồn, nên cần phải cư xử với chúng như trong quan hệ với người. Vậy có hồn tốt, hồn xấu, hồn ác, hồn lành tùy thuộc vào cách đối xử của người với chúng. Vào hoàn cảnh xã hội cổ truyền thì đây là cách chiếm lĩnh thiên nhiên và thực tại của đồng bào, với hi vọng có thể "nói chuyện", có thể "thương lượng" thậm chí khi cần thì cầu xin chúng. Bằng cách đó, đồng bào thiết lập được mối quan hệ với mọi vật và với tổ tiên, đặt con người vào tổng thể môi trường không gian và thời gian, tạo nên một cân bằng trong tâm thức. Con người hội tụ vào cuộc sống hiện hữu của mình các miền thời gian : quá khứ, hiện tại, tương lai; và các chiều không gian, thiên nhiên, môi trường, con người, xã hội. Đó chính là mối quan hệ đa diện, đa phương đảm bảo cho tính hợp lí và sự ổn định tất yếu của cuộc sống con người. Thiết tưởng, với trình độ khoa học kĩ thuật chưa phát triển thì cách nhận thức thế giới theo phương pháp huyền thoại, tín ngưỡng này không phải không có tác dụng tích cực cho sự tồn tại của cộng đồng và con người.

Văn hóa nghệ thuật, lĩnh vực văn hóa thể hiện cái nhìn thẩm mỹ của nhân dân Tây Bắc có nhiều nét độc đáo và trở thành một trong những dấu hiệu làm nên đặc trưng văn hóa vùng. Riêng về lĩnh vực này đã phải cần đến một công trình lớn mới có thể trình bày cho cận kề được. Cho nên, một vài điều nêu ra đây may mắn lắm cũng chỉ là những nét chấm phá vào một toàn cảnh lớn lao, hoành tráng và mang đậm tính dân gian. Trong xã hội cổ truyền Tây Bắc, văn hóa chuyên nghiệp, bác học chưa xuất hiện. Ở người Thái tuy đã có một vài nghệ nhân giỏi sáng tác thơ ca nổi tiếng và mặc dầu dân tộc này có chữ viết cổ, nhưng tác phẩm của họ vẫn lưu truyền chủ yếu bằng phương thức truyền miệng. Mỗi dân tộc trong vùng đều có một kho vốn sáng tác ngôn từ giàu có và đủ thể loại từ tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, giao duyên, cho đến lời khấn, lời bùa chú, các áng văn trong lễ tang, trong lễ hội, các bài văn vắn dạy bảo đạo đức cho dâu rể trong đám cưới, các thần thoại, đồng thoại, cổ tích, truyện cười v.v... Ở một số dân tộc có cả truyện thơ dài hàng ngàn câu như Tiễn dặn người yêu (Thái), Tiếng hát làm dâu (H'mông), Vườn hoa núi Cối (Mường) v.v... Người Thái còn có cả truyện thơ lịch sử, kể lại quá trình thiên di của họ vào Tây Bắc như bản sử ca Dõi theo bước đường chinh chiến của ông cha (Táy pú Xóc) hay Lịch sử bản mường (Quán tổ mường) ngay đến lời hát của các Mo-then trong lễ cúng người ốm cũng là một áng du kí ca đầy hình tượng đẹp được diễn tả bằng văn phong trau chuốt. Bộ phận người Mường Tây Bắc cũng có những thiên sử thi như ở Hòa Bình, Thanh Hóa. Ngoài ra, do đã tách ra từ mấy thế kỉ và sống giữa những cộng đồng tộc người khác, nên người Mường Tây Bắc còn có những áng văn hiếm thấy ở các vùng Mường như "vườn hoa - Núi cối" chẳng hạn. Các truyền thuyết của từng dân tộc, một mặt khẳng định nguồn gốc của họ với những nhóm đồng tộc cư trú ở các vùng văn hóa khác ; mặt khác lại gắn bó với vùng đất và trình diễn lịch sử của họ trên mỗi đất miền này, và góp phần làm nên dấu hiệu đặc trưng của vùng văn hóa Tây Bắc. Có thể gặp những truyền thuyết như thế trên từng bước chân. Đây là nơi chúa Thái và chúa Xá thì bắn xem tên ai xuyên vào đá, kia là nơi Nàng Han (một Gianđả Thái) tắm (Suối Nàng Han). Dây núi ba chỏm kia là thi hài hóa đá của ba dũng tướng quen mình bảo vệ quê hương v.v... Và đặc biệt là những truyền thuyết về hoa ban, dân tộc nào cũng có và cũng thấm đượm tình người. "Xòe" là đặc sản nghệ thuật múa Thái và trở thành biểu tượng văn hóa Tây Bắc. Người Thái có Xòe vòng quanh đống lửa, quanh hũ rượu cần với sự tham gia đông đảo của già trẻ, gái trai trong tiếng chiêng trống rộn

ràng. Nhưng cũng có Xòe điệu của người Thái trắng ven sông Đà suốt từ Ngọc Chiến, Quỳnh Nhai lên đến Lai Châu, Phong Thổ. Tương truyền có đến 32 điệu xòe do các cô thanh nữ múa trong tiếng tính tang dệu dàng của hai chàng trai. Xòe vòng sồi nổi bao nhiêu thì xòe điệu nhẹ nhàng, tinh tế bấy nhiêu. Người H'mông nổi tiếng về các điệu múa khèn, đá chằm hùng dũng của nam giới. Người Khơmú và Xinhmun lại độc quyền điệu múa lắc mông, lượn eo. Còn điệu Tăng bu (đổ ống) là sở hữu của người Laha. Và đến với người Mường thì phải được xem múa bông. Riêng điệu múa Xạp, trừ người H'mông còn dân tộc nào trong vùng cũng có, mỗi nơi một vẻ riêng. Có thể xem nghệ thuật múa dân tộc là một nét đặc trưng của vùng Tây Bắc.

Dường như có một sở thích âm nhạc chung cho hầu hết các dân tộc Tây Bắc, một sở thích không thấy hoặc ít thấy ở các vùng khác. Đó là hệ nhạc cụ hơi có lưỡi gà bằng tre, bằng đồng hay bằng bạc. Nếu sưu tầm và gộp chung lại thì có đến vài chục loại hình thuộc hệ nhạc cụ này. Nhiều loại đã được cả nước biết đến như Pí pặp, khèn bè Thái, sáo và khèn H'mông. Ngoài ra, mỗi dân tộc đều có bản sắc riêng như cây Tính Tẩu Thái, đồng ôi Mường, chũn may Khơmú, đàn tròn và đàn ba dây Hà Nhì .v.v .. Ở nhiều dân tộc khác, thơ ca Tây Bắc được sáng tác để hát, chứ không phải để đọc. Những truyện thơ, những áng sử thi được trình diễn bằng cả những liên khúc âm nhạc mà nhiều bài trích ra từ đó đã được cả nước biết đến như bài "inh là ời" chẳng hạn.

Nét chung nữa trong văn hóa Tây Bắc là sở thích trang trí trang phục, chăn màn, đồ dùng với các sắc độ của gam màu nóng ; rất nhiều màu đỏ, xen vào với vàng tươi, vàng đất, vàng rom, rồi da cam, tím và nếu có xanh thì phải là xanh da trời tươi Phải chăng giữa mệnh mộc xanh lá cây, những màu ánh lên như những điểm sáng, khẳng định sự có mặt của con người ? Còn họa tiết, bố cục, phối màu của trang trí thì rất nhiều và phong phú, đến nỗi chỉ một chiếc khăn piêu Thái, một bộ nữ phục H'mông, Lô Lô, Dao đỏ, một mặt chăn Mường, một điểm màn Kháng cũng đủ tầm cỡ để phải làm riêng một chuyên khảo. Những nét chung của cả vùng không hề làm mất đi tính riêng của văn hóa dân tộc. Thậm chí, cùng một cốt truyện, ở mỗi dân tộc vẫn có thể tìm thấy cái riêng. Lấy một chuyện bi tình sử có ở nhiều dân tộc Tây Bắc làm ví dụ : *"một đôi trai gái yêu nhau nhưng vì lý do nào đó họ không lấy được nhau và cùng tự tử chết"*. Truyền thuyết của các dân tộc khác nhau, đương nhiên sẽ kết thúc khác nhau. Hẳn là những nét phác họa ở đây nhiều lắm cũng chỉ là gợi mở về một vùng văn hóa đa dạng và độc đáo hi vọng rằng có thể dẫn dắt chút ít cho những ai muốn tìm hiểu sâu thêm về vùng văn hóa Tây Bắc.